TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-ST
Ngày: 04 -9 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Văn Truyện.
Ông Hồ Văn Cương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLST-DS ngày 22/5/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1941; Địa chỉ: Nhà số 332/31, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Nhà số 332/31, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018).

- *Bị đơn*: Vợ chồng bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Ngọc L), sinh năm: 1969 và ông Võ Văn V, sinh năm 1968; Địa chỉ: Nhà số 86, đường L, khu phố 4, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà Th có mặt, bà T, bà L và ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diên theo ủy quyền của bà Phạm Thị T trình bày: Từ tháng 01 năm 2014 đến ngày 11/02/2015 bà Nguyễn Thị L có đến nhờ bà mượn dùm nhiều lần với số tiền là 71.300.000đ và 16 chỉ vàng 24 kara tương đương 59.200.000đ, tổng

cộng là 130.500.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, bà L viết biên nhận nợ vào ngày 11/02/2015 và hẹn đến ngày 23/4/2015 sẽ trả hết tiền, vàng gốc và lãi. Nhưng từ đó đến nay vợ chồng bà L và ông V không trả được khoản gốc, lãi nào. Số nợ này bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà L và ông V thanh toán, nhưng vợ chồng bà L và ông V không thanh toán mà kéo dài đến nay. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L và ông V trả số tiền gốc là 130.500.000đ và yêu cầu tính lãi suất với mức 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ tháng 02/2015 đến tháng 5/2018 là 114.513.750đ, tổng cộng gốc lãi là 245.013.750đ yêu cầu vợ chồng bà L và ông V trả một lần trong thời gian sớm nhất. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 54/TB-TLVA ngày 22/5/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 100/TB-TA ngày 22/5/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 118/TB-TA ngày 12/6/2018 đã tống đạt cho vợ chồng bà L và ông V theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng bà L và ông V không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến của minh việc bà T khởi kiện. Do đó, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thể tiến hành được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Phạm Thị T làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969 và ông Võ Văn V, sinh năm 1968; Địa chỉ: Nhà số 86, đường Lê Lợi, khu phố 4, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn V không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 ngày 04/9/2018 đã tống đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn V không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn V là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th người đại theo ủy quyền của bà Phạm Thị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông

Võ Văn V. Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng bà L và ông V phải trả 16 chỉ vàng 24 kara quy ra thành tiền 59.200.000đ, tiền là 71.300.000đ, tổng cộng là 130.500.000.000đ và tính lãi suất với mức lãi 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 11/02/2015 đến ngày 11/5/2018. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu vợ chồng bà L và ông V phải trả vàng là 16 chỉ (vàng 24 kara) tiền là 71.300.000đ và tính lãi suất với mức lãi 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 11/02/2015 đến ngày 11/05/2018 (cụ thể như sau: 71.300.000đ x 0,75%/tháng x 39 tháng = 20.855.200) tổng cộng gốc và lãi của khoản tiền là 92.155.200đ. Xét thấy, yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th là hoàn toàn tự nguyện, đúng với nội dung ủy quyền của bà T, phù hợp với khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (biên nhận nợ). Vì vậy, chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn V. Xử buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị T số vàng 16 chỉ vàng 24 kara, tiền là 92.155.200đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466, 468 của của Bộ luật dân sự.

[2] Đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn V từ khi bà Phạm Thị T khởi kiện đến khi xét xử không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Vợ chồng bà L và ông V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 243; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Ngọc L) và ông Võ Văn V.

Xử buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Ngọc L) và ông Võ Văn V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị T số vàng là 16 (mười sáu) chỉ vàng 24 kara; Tiền là 92.155.200đ (chín mươi hai triệu một trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm đồng).

Đối với khoản tiền là kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đối với khoản vàng là khi thi hành án thì thi hành bằng vàng (bằng hiện vật) hoặc bằng tiền theo thời giá tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Ngọc L) và ông Võ Văn V phải chịu 7.321.300đ (bảy triệu ba trăm hai mươi mốt ngàn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. [(3.392.000đ/chỉ x 16 chỉ) + 92.155.200đ] x 5% = 7.321.300đ. (Giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.392.000đ/chỉ).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Th báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Phạm Thị T và vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Võ Văn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út